

Số: 42 /2017/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan
tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ khoản 1, Điều 3 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị tổ chức thu; bãi bỏ một số khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Đối tượng thu lệ phí: Người đăng ký cư trú, quản lý cư trú với cơ quan đăng ký, quản lý cư trú theo quy định của pháp luật về cư trú.

3. Mức thu lệ phí

Số TT	Nội dung thu lệ phí	Đơn vị tính	Mức thu	
			Công dân cư trú tại các phường	Công dân cư trú tại các xã, thị trấn
1	Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú	Đồng/lần đăng ký	18.000	9.000
2	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú cho hộ gia đình, cá nhân	Đồng/lần cấp	24.000	12.000
3	Điều chỉnh những thay đổi trong	Đồng/lần điều	10.000	5.000

	số hộ khẩu, số tạm trú	chính		
4	Gia hạn tạm trú	Đông/lần hạn gia	12.000	6.000

4. Đối tượng được miễn lệ phí:

- a) Trẻ em
- b) Hộ nghèo
- c) Người cao tuổi
- d) Người khuyết tật
- đ) Người có công với cách mạng

e) Công dân có hộ khẩu thường trú ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (theo Quyết định số 204/QĐ-TTg ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2016) và một số đối tượng đặc biệt theo quy định của pháp luật.

g) Công dân dưới 18 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ, không nơi nương tựa.

h) Các trường hợp cấp đổi, cấp lại, đính chính số hộ khẩu, số tạm trú do sai sót của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong đăng ký cư trú hoặc vì lý do nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đổi tên đường phố, đổi số nhà.

5. Tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho đơn vị thu lệ phí: Cơ quan tổ chức thu lệ phí nộp 100% số tiền lệ phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 158/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) được trích để lại cho cơ quan tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVI, kỳ họp thứ năm thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2017./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VKSND, TAND, THADS tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- CPVP, Chuyên viên VP.HĐND tỉnh;
- CPVP, các phòng VP.UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn; Báo Lạng Sơn;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Nghiệm

